TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN - TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HS-ST
Ngày: 18/01/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đình Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hoài Sơn

2. Ông Nguyễn Văn Tấn

***Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Trọng Hiếu, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Công Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2021/TLST-HS, ngày 19 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXXST-HS, ngày 22 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/HSST-QĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lò Thị Huyền H. Tên gọi khác: Không; sinh ngày 14/4/1979, tại huyện V, tỉnh Y; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố số 11, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Tuấn K1 và con bà Nguyễn Thị N; Có chồng là: Nguyễn Chí T; Có 01 con sinh năm 2002.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2021 đến ngày 28/6/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi cư trú tại: Tổ dân phố số 11, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có mặt

2. Nguyễn Thị Linh T1. Tên gọi khác: Không; sinh ngày 26/9/1995, tại tỉnh Yên Bái; Nơi ĐKHKTT: Xóm 3, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố P, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc

tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Chí T và con bà Vũ Thị N; Có chồng là: Nguyễn Tiến C; Có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi cư trú tại: Xóm 3, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

*** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Lưu Phương T4, sinh năm 1984. Vắng mặt

Trú tại: Tổ dân phố số 5, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái

2. Anh Trần Văn K, sinh năm 1973. Vắng mặt

Trú tại: Tổ dân phố số 11, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái

3. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1978. Vắng mặt

Trú tại: Tổ dân phố số 03, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái

4. Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1972. Vắng mặt

Trú tại: Tổ dân phố số 11, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái

5. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1971. Vắng mặt

Trú tại: Tổ dân phố số 09, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái

6. Chị Đặng Thị T2, sinh năm 1985. Vắng mặt

Trú tại: Tổ dân phố số 11, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái

7. Anh Đỗ Anh T3, sinh năm 1992. Vắng mặt

Trú tại: Tổ dân phố số 09, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái

8. Chị Triệu Thị D, sinh năm 1987. Vắng mặt

Trú tại: Thôn 5, xã Đ, huyện T, tỉnh Yên Bái

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lò Thị Huyền H và Nguyễn Thị Linh T1 có mối quan hệ gia đình. Từ mối quan hệ này. H gọi điện nói với T1 nếu có tiền thì chuyển cho H để H cho những người khác vay với lãi suất cao. H và T1 thỏa thuận với nhau nếu có khách vay tiền H sẽ thông báo với T1 số tiền vay và thỏa thuận lãi suất vay giữa T1 và H. Ngoài chuyển tiền mặt để cho vay, T1 còn dùng số tài khoản 19033072866017 mở tại ngân hàng TECHCOMBANK mang tên Nguyễn Tiến C (là chồng của T1) còn H dùng số tài khoản 8706205100590 mở tại ngân hàng AGRIBANK mang tên Lò Thị Huyền H để nhận và chuyển các khoản tiền giao dịch liên quan đến cho vay lãi. Sau khi nhận

được tiền của T1 cộng với số tiền của mình, H sẽ cho những người khác vay với lãi suất cao hơn để kiếm lợi nhuận.

Từ ngày 17/7/2019 đến ngày 14/5/2021 thời điểm hành vi phạm tội bị phát hiện Nguyễn Thị Linh T1 đã cho Lò Thị Huyền H vay tiền tổng số là 30 lần với lãi suất cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất: Ngày 17/7/2019, T1 cho H vay số tiền 150.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 9.500.000 đồng/150.000.000 đồng/01 tháng. lãi xuất được tính là 6,33%/01 tháng (75,96%/năm) gấp 3,8 lần so với mức lãi suất quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm). Tính đến tháng 4/2021 H đã trả cho T1 tiền lãi 19 lần trong 21 tháng (tháng 08 và tháng 10 năm 2020 H không trả tiền lãi) với tổng số tiền 180.500.000 đồng. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 01 tháng là 150.000.000 đồng x 1,67 = 2.505.000 đồng x 21 tháng = 52.605.000 đồng. T1 đã thu lợi bất chính là 180.500.000 đồng - 52.605.000 đồng = 127.895.000 đồng. Số tiền gốc H chưa trả cho T1.

+ Lần thứ 2: Ngày 25/02/2020, T1 cho H vay số tiền 45.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 4.000.000 đồng/01 tháng, tương đương với lãi suất được tính là 8,88%/01 tháng (106.56%/01 năm) gấp 5,3 lần so với mức lãi suất quy định. Tổng số tiền lãi H đã trả cho T1 ở khoản vay này là 04 lần vào các tháng 3, 4, 5, 6 của năm 2020 với tổng số tiền là 16.000.000 đồng và đã trả số tiền gốc. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 04 tháng là 3.006.000 đồng, số tiền T1 đã thu lợi bất chính là 16.000.000 đồng - 3.006.000 đồng = 12.994.000 đồng.

+ Lần thứ 3: Ngày 05/6/2020 T1 cho H vay số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 1.800.000 đồng/01 tháng, tương đương với lãi suất 12%/01 tháng (144%/01 năm), gấp 7,2 lần so với mức lãi suất quy định. H đã trả lãi cho T1 11 lần với tổng số tiền là 20.200.000 đồng (11 tháng, từ tháng 07/2020 đến tháng 5/2021, trong đó có 02 lần vào tháng 10 và tháng 11/2020 H trả cho T1 tiền lãi là 2.000.000 đồng/01 tháng). Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 11 tháng là: 2.755.500 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là 20.200.000 đồng - 2.755.500 đồng = 17.444.5000 đồng. Số tiền gốc H chưa trả cho T1.

+ Lần thứ 4: Ngày 12/6/2020, T1 cho H vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3.200.000 đồng/01 tháng, tương đương với lãi suất 10,6%/01 tháng (127,2%/01 năm), gấp 6,36 lần so với mức lãi suất quy định. H đã trả lãi cho T1 11 lần với tổng số tiền là 33.380.000 đồng (11 tháng, từ tháng 07/2020 đến tháng 5/2021, có tháng H trả không trả đủ số tiền lãi đã thỏa thuận). Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 11 tháng là 5.511.000 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là 33.380.000 đồng - 5.511.000 đồng = 27.869.000 đồng. Số tiền gốc H chưa trả cho T1.

+ Lần thứ 5: Ngày 19/8/2020, T1 cho H vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3.000.000 đồng/10 ngày, tương đương với lãi suất 22,5%/01 tháng

(270%/01 năm), gấp 13,5 lần so với mức lãi suất quy định. Khoản vay này T1 thu luôn tiền lãi 3.000.000 đồng và chuyển cho H số tiền 27.000.000 đồng, đến ngày 27/8/2020 H đã trả T1 số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 10 ngày là: 222.666 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng - 222.666 đồng = 2.777.334 đồng.

+ Lần thứ 6: Ngày 21/8/2020, T1 cho H vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 2.000.000 đồng/10 ngày, tương đương với lãi suất 30%/01 tháng (360%/01 năm), gấp 18 lần so với mức lãi suất quy định. Khoản vay này T1 thu luôn tiền lãi 2.000.000 đồng và chuyển cho H số tiền 18.000.000 đồng đến ngày 31/8/2020 H đã trả T1 số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 10 ngày là: 111.333 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng - 111.333 đồng = 1.888.667 đồng.

+ Lần thứ 7: Ngày 29/8/2020, T1 cho H vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 2.500.000 đồng/10 ngày, tương đương với lãi xuất 37,5%/01 tháng (450%/01 năm), gấp 22,5 lần so với mức lãi suất quy định. Khoản vay này T1 thu trước tiền lãi là 1.500.000 đồng, đến ngày 07/9/2020 H trả cho T1 cả tiền gốc và tiền lãi còn thiếu tổng là 21.000.000 đồng. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản tiền vay này trong 10 ngày là: 111.333 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là 2.500.000 đồng - 111.333 đồng = 2.388.667 đồng.

+ Lần thứ 8: Ngày 01/9/2020, T1 cho H vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 3.000.000 đồng/10 ngày, T1 thu luôn tiền lãi 3.000.000 đồng và chuyển cho H 37.000.000 đồng. Tuy nhiên đến thời hạn, H chưa trả được tiền gốc nên cả hai thỏa thuận khoản tiền vay này sẽ vay trong 01 tháng và trả thêm tiền lãi trong 20 ngày là 6.000.000 đồng. Đến ngày 08/10/2020 H đã trả đủ cho T1 tổng số tiền gốc và tiền lãi còn thiếu là 46.000.000 đồng. Khoản tiền vay này được tính lãi tương đương với 22,5%/01 tháng (270,4%/01 năm), gấp 13,52 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản tiền vay này trong 01 tháng là: 668.000 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là 9.000.000 đồng - 668.000 đồng = 8.332.000 đồng.

+ Lần thứ 9: Ngày 04/9/2020, T1 cho H vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 2.000.000 đồng/10 ngày, tương đương với lãi suất 30%/01 tháng (360%/01 năm), gấp 18 lần so với mức lãi suất quy định. Khoản vay này T1 thu luôn tiền lãi 2.000.000 đồng và chuyển cho H số tiền 18.000.000 đồng đến ngày 14/9/2020 H đã trả T1 số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 10 ngày là: 111.333 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng - 111.333 đồng = 1.888.667 đồng.

+ Lần thứ 10: Ngày 11/9/2020, T1 cho H vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 1.500.000 đồng/05 ngày, tương đương với lãi xuất 45%/01 tháng (540%/01 năm), gấp 27 lần so với mức lãi suất quy định. Khoản vay này T1 thu luôn tiền lãi 1.500.000 đồng và chuyển cho H số tiền 18.500.000 đồng đến ngày 16/9/2020 H đã trả T1 số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Số tiền lãi cao nhất theo quy

định của pháp luật đối với khoản vay này trong 05 ngày là: 55.666 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là 1.500.000 đồng - 55.666 đồng = 1.444.334 đồng.

+ Lần thứ 11: Ngày 22/9/2020, T1 cho H vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 1.500.000 đồng/ 05 ngày, tương đương với lãi xuất 45%/ 01 tháng (540%/01 năm), gấp 27 lần so với mức lãi suất quy định. Khoản vay này T1 thu luôn tiền lãi 1.500.000 đồng và chuyển cho H số tiền 18.500.000 đồng đến ngày 26/9/2020 H đã trả T1 số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 05 ngày là: 55.666 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là 1.500.000 đồng - 55.666 đồng = 1.444.334 đồng.

+ Lần thứ 12: Ngày 23/9/2020, T1 cho H vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 6.000.000 đồng/20 ngày, tương đương với lãi xuất 45%/01 tháng (540%/01 năm), gấp 27 lần so với mức lãi suất quy định. Khoản vay này T1 thu trước tiền lãi 2.500.000 đồng và chuyển cho H số tiền 17.500.000 đồng, đến thời hạn H đã trả đủ cho T1 20.000.000 đồng tiền gốc và 3.500.000 đồng tiền lãi còn thiếu. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 20 ngày là: 222.666 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là 6.000.000 đồng - 222.666 đồng = 5.777.334 đồng.

+ Lần thứ 13: Ngày 28/9/2020, T1 cho H vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3.000.000 đồng/10 ngày, tương đương với lãi xuất 45%/01 tháng (540%/01 năm), gấp 27 lần so với mức lãi suất quy định. Khoản vay này T1 thu luôn tiền lãi 3.000.000 đồng và chuyển cho H số tiền 17.000.000 đồng, đến ngày 12/10/2020 H đã trả cho T1 20.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 10 ngày là: 111.333 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng - 111.333 đồng = 2.888.667 đồng.

+ Lần Thứ 14: Ngày 21/10/2020, T1 cho H vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3.500.000 đồng/10 ngày, tương đương với lãi xuất 26,25%/01 tháng (315%/01 năm), gấp 15,75 lần so với mức lãi suất quy định. Khoản vay này T1 thu luôn tiền lãi 3.500.000 đồng và chuyển cho H số tiền 36.500.000 đồng, đến ngày 29/10/2020 H đã trả cho T1 40.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 10 ngày là: 222.666 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là 3.500.000 đồng - 222.666 đồng = 3.277.334 đồng.

+ Lần thứ 15: Ngày 22/10/2020, T1 cho H vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3.000.000 đồng/10 ngày, tương đương với lãi suất 45%/ 01 tháng (540%/ 01 năm), gấp 27 lần so với mức lãi suất quy định. Khoản vay này T1 thu luôn tiền lãi 3.000.000 đồng và chuyển cho H số tiền 17.000.000 đồng, đến ngày 02/11/2020 H đã trả cho T1 20.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 10 ngày là: 111.333 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng - 111.333 đồng = 2.888.667 đồng.

+ Lần thứ 16: Ngày 31/10/2020, T1 cho H vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 6.000.000 đồng/10 ngày, tương đương với lãi suất 45%/ 01

tháng (540%/01 năm), gấp 27 lần so với mức lãi suất quy định. Khoản vay này T1 thu trước tiền lãi 3.500.000 đồng và chuyển cho H số tiền 36.500.000 đồng, đến ngày 09/11/2020 H đã trả cho T1 40.000.000 đồng tiền gốc và 1.800.000 đồng tiền lãi, T1 cho H số tiền 700.000 đồng tiền lãi còn thiếu. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 10 ngày là: 222.666 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là 5.300.000 đồng - 222.666 đồng = 5.077.334 đồng.

+ Lần thứ 17: Ngày 02/11/2020, T1 cho H vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận là 2.000.000 đồng/10 ngày, T1 thu luôn tiền lãi và chuyển cho H số tiền 18.000.000 đồng. Tuy nhiên đến thời hạn trả, H chưa trả được tiền gốc nên cứ 10 ngày tiếp theo H lại trả cho T1 2.000.000 đồng tiền lãi. Trong 50 ngày, H đã trả lãi cho T1 tổng số 05 lần với số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 26/12/2020 H trả cho T1 20.000.000 tiền gốc. Khoản tiền vay này được tính lãi tương đương với 30%/ 01 tháng (360%/01 năm), gấp 18 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản tiền vay này trong 50 ngày là: 556.666 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là 10.000.000 đồng - 556.666 đồng = 9.443.334 đồng.

+ Lần thứ 18: Ngày 10/11/2020, T1 cho H vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận là 2.000.000 đồng/10 ngày, T1 thu luôn tiền lãi và chuyển cho H số tiền 18.000.000 đồng. Tuy nhiên đến thời hạn trả, H chưa trả được tiền gốc nên cứ 10 ngày tiếp theo H lại trả cho T1 2.000.000 đồng tiền lãi. Trong 50 ngày, H đã trả lãi cho T1 tổng số 05 lần với số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 26/12/2020 H trả cho T1 20.000.000 tiền gốc. Khoản tiền vay này được tính lãi tương đương với 30%/ 01 tháng (360%/01 năm), gấp 18 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản tiền vay này trong 50 ngày là: 556.666 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là 10.000.000 đồng - 556.666 đồng = 9.443.334 đồng.

+ Lần thứ 19: Ngày 09/11/2020, T1 cho H vay số tiền 50.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận là 5.000.000 đồng/10 ngày, T1 thu trước 4.500.000 đồng tiền lãi và chuyển cho H số tiền 45.500.000 đồng. Tuy nhiên đến thời hạn trả, H chưa trả được tiền gốc nên cứ 10 ngày tiếp theo H lại trả cho T1 5.000.000 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 06/5/2021 (06 tháng sau kể từ ngày vay), H đã trả lãi cho T1 tổng số tiền lãi là 75.000.000 đồng. Khoản tiền vay này được tính lãi tương đương với 30%/01 tháng (360%/01 năm), gấp 18 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản tiền vay này trong 06 tháng là: 5.010.000 đồng đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là 75.000.000 đồng - 5.010.000 đồng = 69.990.000 đồng. Số tiền gốc H chưa trả cho T1.

+ Lần thứ 20: Ngày 23/11/2020 T1 cho H vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 4.000.000 đồng/ 05 ngày, tương đương với lãi suất 60%/ 01 tháng (720%/ 01 năm), gấp 36 lần so với mức lãi suất quy định. Khoản vay này T1 thu trước tiền lãi 3.500.000 đồng và chuyển cho H số tiền 36.500.000 đồng, đến ngày 27/11/2020 H đã trả cho T1 40.000.000 đồng tiền gốc, còn số tiền lãi 500.000

đồng T1 cho H. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 05 ngày là: 111.333 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là 3.500.000 đồng - 111.333 đồng = 3.388.667 đồng.

+ Lần thứ 21: Ngày 28/11/2020 T1 cho H vay số tiền 35.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 4.000.000 đồng/15 ngày. T1 thu trước tiền lãi 2.500.000 đồng, chuyển cho H số tiền 32.500.000 đồng. Đến ngày 12/12/2020 H đã trả cho T1 35.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi, số tiền lãi 500.000 đồng còn thiếu T1 cho H. Khoản tiền vay này tương đương với lãi suất: 22,85%/01 tháng (274,2%/01 năm), gấp 13,71 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 15 ngày là: 292.250 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là 3.500.000 đồng - 292.250 đồng = 3.207.750 đồng.

+ Lần thứ 22: Ngày 12/12/2020, T1 cho H vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 4.000.000 đồng/10 ngày. T1 thu trước tiền lãi 700.000 đồng và chuyển cho H số tiền 39.300.000 đồng. Tuy nhiên đến thời hạn, H chưa trả được tiền gốc nên cứ 10 ngày tiếp theo H trả cho T1 4.000.000 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 12/6/2021 (06 tháng kể từ ngày vay) H đã trả cho T1 tổng số tiền lãi là 84.000.000 đồng. Khoản vay này tương đương với lãi suất 30%/01 tháng (360%/01 năm), gấp 18 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 06 tháng là: 4.008.000 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là 84.000.000 đồng - 4.008.000 đồng = 79.992.000 đồng. Số tiền gốc H chưa trả cho T1.

+ Lần thứ 23: Ngày 31/12/2020 T1 cho H vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 4.000.000 đồng/10 ngày. T1 thu luôn tiền lãi và chuyển cho H số tiền 36.000.000 đồng. Tuy nhiên đến thời hạn, H chưa trả được tiền gốc nên cứ 10 ngày tiếp theo H lại trả cho T1 4.000.000 đồng tiền lãi. Trong 40 ngày, H đã trả lãi cho T1 tổng số 04 lần với số tiền 16.000.000 đồng và trả cho T1 40.000.000 tiền gốc. Khoản tiền vay này được tính lãi tương đương với 30%/ 01 tháng (360%/01 năm), gấp 18 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản tiền vay này trong 40 ngày là: 890.666 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là 40.000.00 đồng - 890.664 đồng = 15.109.334 đồng.

+ Lần thứ 24: Ngày 08/02/2021, T1 cho H vay số tiền 25.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 5.000.000 đồng/20 ngày. T1 thu trước tiền lãi 4.800.000 đồng, chuyển cho H 22.200.000 đồng. Tuy nhiên đến thời hạn H chưa trả được cho T1 tiền gốc nên thỏa thuận với nhau kéo dài thời hạn trả tiền gốc thêm 10 ngày và trả thêm 2.500.000 đồng tiền lãi, đến ngày 15/3/2021 H đã trả cho T1 25.000.000 đồng tiền gốc và tổng số 7.500.000 đồng tiền lãi. Khoản tiền vay này được tính lãi tương đương với 30%/01 tháng (360%/01 năm), gấp 18 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản tiền vay này trong 30 ngày là: 417.500 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là 7.500.00 đồng - 417.500 đồng = 7.082.500 đồng.

+ Lần thứ 25: Ngày 26/3/2021, T1 cho H vay số tiền 25.000.000 đồng với lãi xuất thỏa thuận là 3.000.000 đồng/10 ngày. T1 thu trước tiền lãi 1.500.000 đồng, chuyển cho H 23.500.000 đồng. Tuy nhiên đến thời hạn H chưa trả được tiền gốc cho T1 tiền gốc nên cứ 10 ngày tiếp theo H lại trả cho T1 3.000.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 16/6/2021 H đã trả lãi cho T1 tổng số 07 lần với số tiền 21.000.000 đồng. Khoản tiền vay này được tính lãi tương đương với 36%/ 01 tháng (432%/01 năm), gấp 21,6 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản tiền vay này trong 70 ngày là: 974.166 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là 21.000.000 đồng - 974.166 đồng = 20.025.834 đồng. Số tiền gốc H chưa trả cho T1.

+ Lần thứ 26: Ngày 10/4/2021, T1 cho H vay số tiền 25.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3.000.000 đồng/10 ngày. Tuy nhiên đến thời hạn, H chưa trả được tiền gốc cho T1 tiền gốc nên cứ 10 ngày tiếp theo H lại trả cho T1 3.000.000 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 10/6/2021 (02 tháng kể từ ngày vay) H đã trả lãi cho T1 tổng số 06 lần với số tiền 18.000.000 đồng. Khoản tiền vay này được tính lãi tương đương với lãi suất 36%/01 tháng (432%/01 năm), gấp 21,6 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 02 tháng là: 835.000 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là: 18.000.000 đồng - 835.000 đồng = 17.165.000 đồng. Số tiền gốc H chưa trả cho T1.

+ Lần thứ 27: Ngày 14/4/2021 T1 cho H vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 2.000.000 đồng/10 ngày, T1 thu luôn tiền lãi và chuyển cho H 17.800.000 đồng (nợ 200.000 đồng). Tuy nhiên đến thời hạn H chưa trả được tiền gốc cho T1 nên cứ 10 ngày tiếp theo H lại trả cho T1 2.000.000 đồng. Tính đến ngày 14/6/2021 (02 tháng kể từ ngày vay) H đã trả lãi cho T1 tổng số 06 lần với số tiền 12.000.000 đồng. Khoản tiền vay này được tính lãi tương đương với lãi suất 30%/01 tháng (360%/01 năm), gấp 18 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 02 tháng là: 668.000 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là: 12.000.000 đồng - 668.000 đồng = 11.332.000 đồng. Đến nay H chưa trả được tiền gốc cho khoản vay này.

+ Lần thứ 28: Ngày 27/4/2021 T1 cho H vay số tiền 25.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 7.500.000 đồng/01 tháng, T1 thu trước 4.500.000 đồng tiền lãi và chuyển cho H 20.500.000 đồng, tính đến ngày 17/6/2021 (02 tháng) H đã trả lãi được cho T1 với số tiền 12.500.000 đồng. Khoản tiền vay này được tính lãi tương đương với lãi suất 30%/01 tháng (360%/01 năm), gấp 18 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 02 tháng là: 835.000 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là: 12.500.000 đồng - 835.000 đồng = 11.665.000 đồng. Đến nay H chưa trả được tiền gốc cho khoản vay này. Đến nay H chưa trả được tiền gốc cho khoản vay này.

+ Lần thứ 29: Ngày 04/5/2021, T1 cho H vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 1.500.000 đồng/05 ngày, T1 thu luôn tiền lãi và chuyển cho H 18.500.000 đồng. Tuy nhiên đến thời hạn H chưa trả được tiền gốc cho T1, nên cứ

05 ngày sẽ tính lãi 1.500.000 đồng, 15 ngày sau H trả được tiền gốc cho T1 và trả thêm 3.000.000 đồng tiền lãi, Tổng số tiền lãi T1 đã thu là 4.500.000 đồng. Khoản tiền vay này được tính lãi tương đương với lãi suất 45%/01 tháng (540%/01 năm), gấp 27 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 15 ngày là: 167.000 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là: 4.500.000 đồng - 167.000 đồng = 4.333.000 đồng.

+ Lần thứ 30: Ngày 14/5/2021, T1 cho H vay số tiền 25.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 7.500.000 đồng/01 tháng, tương đương với lãi suất 30%/01 tháng (360%/01 năm), gấp 18 lần so với mức lãi suất quy định. Đến ngày 14/6/2021 H đã trả cho T1 7.500.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 01 tháng là: 417.500 đồng, số tiền T1 thu lợi bất chính là: 7.500.000 đồng - 417.500 đồng = 7.082.500 đồng. Số tiền gốc H chưa trả cho T1.

Sau khi vay được tiền của Nguyễn Thị Linh T1 cộng với tiền sẵn có Lò Thị Huyền H đã cho nhiều người khác vay với lãi suất khác nhau để thu lợi bất chính, cụ thể:

1. Do có quen biết với Lò Thị Huyền H, Lưu Phương T4 nhiều lần vay tiền của H. Các giao dịch vay tiền, trả lãi được chuyển qua tài khoản, hoặc đưa trực tiếp, viết giấy vay tiền hoặc không viết giấy tùy vào thỏa thuận của hai bên. T4 dùng số tài khoản 8706215005891 của Ngân hàng Agribank và số tài khoản 37110000553836 của Ngân hàng BIDV để vay và trả lãi cho H từ ngày 20/01/2020 đến ngày 15/5/2021 Lò Thị Huyền H đã cho Lưu Phương T4 vay tiền tổng cộng là 25 lần cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất: Ngày 20/01/2020, T4 viết giấy, vay của H số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 5.500.000 đồng/10 ngày, tương đương với lãi suất 55%/ 01 tháng (660%/ 01 năm), gấp 33 lần so với mức lãi suất quy định. Đến hạn T4 đã trả đủ cả tiền gốc và tiền lãi cho H. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 10 ngày là: 167.000 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 5.500.000 đồng - 167.000 đồng = 5.333.000 đồng.

+ Lần thứ 2: Từ năm 2019 nhiều lần T4 vay tiền của H có tính lãi, tuy nhiên không xác định được những lần vay và trả tiền cụ thể như thế nào. Đến ngày 21/01/2020, cả hai thống nhất để T4 viết giấy vay tổng số tiền của những lần vay trước là 150.000.000 đồng và thỏa thỏa thuận lãi suất là 15.000.000 đồng/10 ngày. Đến hạn do không trả được tiền gốc nên cứ 10 ngày tiếp theo T4 lại trả cho H 15.000.000 đồng, hoặc trả 45.000.000 đồng/ 01 tháng. Tính đến tháng 8/2020 T4 đã trả 07 tháng tiền lãi cho H với số tiền 315.000.000 đồng. Từ tháng 9/2020 đến tháng 5/2021 T4 không trả lãi đều được cho H, số tiền trả được trong thời gian này là 180.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi T4 đã trả H trong khoản vay này là 495.000.000 đồng/17 tháng. Khoản vay nay được tính lãi tương đương 30%/01 tháng (360%/01 năm), gấp 18 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 17 tháng là: 42.585.000

đồng, số tiền H thu lời bất chính là 495.000.000 đồng - 42.585.000 đồng = 452.415.000 đồng. Số tiền gốc T4 chưa trả cho H.

+ Lần thứ 3: Ngày 27/7/2020 T4 viết giấy vay H số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 1.000.000 đồng/05 ngày, tương đương với lãi suất 30%/01 tháng (360%/01 năm), gấp 18 lần so với mức lãi suất quy định. Đến hạn T4 đã trả đủ cả tiền gốc và tiền lãi cho H. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 05 ngày là: 55.666 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 1.000.000 đồng - 55.666 đồng = 944.667 đồng.

+ Lần thứ 4: Ngày 09/8/2020 T4 viết giấy vay H số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 2.000.000 đồng/05 ngày, tương đương với lãi suất 30%/01 tháng (360%/ 01 năm), gấp 18 lần so với mức lãi suất quy định. Đến hạn T4 đã trả đủ cả tiền gốc và tiền lãi cho H. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 05 ngày là: 111.333 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 2.000.000 đồng - 111.333 đồng = 1.888.667 đồng.

+ Lần thứ 5: Ngày 12/8/2020, T4 viết giấy vay H số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 1.000.000 đồng/ 05 ngày, tương đương với lãi suất 30%/01 tháng (360%/01 năm), gấp 18 lần so với mức lãi suất quy định. Đến hạn T4 đã trả đủ cả tiền gốc và tiền lãi cho H. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 05 ngày là: 55.666 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 1.000.000 đồng - 55.666 đồng = 944.667 đồng.

+ Lần thứ 6: Ngày 18/8/2020, T4 viết giấy vay H số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 6.000.000 đồng/08 ngày, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho T4 34.000.000 đồng, Ngày 27/8/2020 T4 đã chuyển khoản trả đủ tiền gốc cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 56,25%/01 tháng (675%/01 năm), gấp 33,75 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 08 ngày là: 178.133 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 6.000.000 đồng - 178.133 đồng = 5.821.867 đồng.

+ Lần thứ 7: Ngày 27/8/2020, H cho T4 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 5.500.000 đồng/ 05 ngày, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho T4 14.500.000 đồng, ngày 31/8/2020 T4 đã chuyển khoản trả đủ tiền gốc cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 165%/01 tháng (1980%/01 năm), gấp 99 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 05 ngày là: 55.666 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 5.500.000 đồng - 55.666 đồng = 5.444.334 đồng.

+ Lần thứ 8: Ngày 01/9/2020, H cho T4 vay số tiền 40.000.0000 đồng với lãi suất thỏa thuận 6.500.000 đồng/08 ngày, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho T4 33.500.000 đồng, ngày 09/9/2020 T4 đã chuyển khoản trả đủ tiền gốc cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 60,93%/01 tháng (731,16%/ 01 năm), gấp 36,55 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định

của pháp luật đối với khoản vay này trong 08 ngày là: 178.133 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 6.500.000 đồng - 178.133 đồng đồng = 6.321.867 đồng.

+ Lần thứ 9: Ngày 11/9/2020, H cho T4 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3.000.000 đồng/ 05 ngày, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho T4 17.000.000 đồng, ngày 16/9/2020 T4 đã chuyển khoản trả đủ tiền gốc cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 90%/ 01 tháng (1080%/01 năm), gấp 54 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 05 ngày là: 55.666 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 3.000.000 đồng - 55.666 đồng = 2.944.334 đồng.

+ Lần thứ 10: Ngày 21/9/2020, H cho T4 vay số tiền 40.000.0000 đồng với lãi suất thỏa thuận 6.500.000 đồng/08 ngày, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho T4 33.500.000 đồng, đến hạn T4 đã trả đủ tiền gốc cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 60,93%/ 01 tháng (731,16%/ 01 năm), gấp 36,55 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 08 ngày là: 178.133 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 6.500.000 đồng - 178.133 đồng đồng = 6.321.867 đồng.

+ Lần thứ 11: Ngày 22/9/2020, H cho T4 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 3.500.000 đồng/10 ngày, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho T4 16.500.000 đồng, tuy nhiên đến hạn T4 chưa trả được tiền gốc nên cứ 10 ngày tiếp theo T4 lại trả tiền lãi cho H. Đến ngày 19/10/2020 (01 tháng) T4 đã trả được tiền gốc cho H và trả lãi 03 lần với tổng số tiền 10.500.000 đồng. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 52,5%/ 01 tháng (630%/ 01 năm), gấp 31,5 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 01 tháng là: 334.000 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 10.500.000 đồng - 334.000 đồng đồng = 10.166.000 đồng.

+ Lần thứ 12: Ngày 30/9/2020, H cho T4 vay số tiền 40.000.0000 đồng với lãi suất thỏa thuận 6.500.000 đồng/08 ngày, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho T4 33.400.000 đồng (thiếu 100.000 đồng), ngày 07/10/2020 T4 đã chuyển khoản trả đủ tiền gốc cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 60,93%/ 01 tháng (731,16%/ 01 năm), gấp 36,55 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 08 ngày là: 178.133 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 6.500.000 đồng - 178.133 đồng = 6.321.867 đồng.

+ Lần thứ 13: Ngày 21/10/2020, H cho T4 vay số tiền 40.000.0000 đồng với lãi suất thỏa thuận 6.500.000 đồng/08 ngày, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho T4 33.500.000 đồng, tuy nhiên đến hạn T4 chưa trả được tiền gốc nên chuyển thêm 01 lần tiền lãi để vay thêm 08 ngày là 6.500.000 đồng, đến ngày 06/11/2020 T4 đã chuyển khoản trả đủ tiền gốc cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 60,93%/ 01 tháng (731,16%/ 01 năm), gấp 36,55 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong

16 ngày là: 356.266 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 13.000.000 đồng - 356.266 đồng = 12.643.734 đồng.

+ Lần thứ 14: Ngày 26/10/2020 H cho T4 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 5.000.000 đồng/ 05 ngày, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho T4 số tiền 15.000.000 đồng, đến ngày 01/11/2020 T4 đã chuyển khoản trả đủ tiền gốc cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 150%/ 01 tháng (1800%/ 01 năm), gấp 90 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 05 ngày là: 55.666 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 5.000.000 đồng - 55.666 đồng = 4.944.334 đồng.

+ Lần thứ 15: Ngày 31/10/2020, H cho T4 vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 8.000.000 đồng/ 01 tháng, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho T4 32.000.000 đồng. Đến thời hạn do không có tiền trả tiền gốc nên T4 tiếp tục trả lãi, tính đến tháng 5/2021 (07 tháng) T4 trả lãi cho H được 04 lần với tổng sô tiền 32.000.000 đồng. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 20%/ 01 tháng (240%/ 01 năm), gấp 12 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 07 tháng là: 4.676.000 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 32.000.000 đồng - 4.676.000 đồng = 27.324.000 đồng. Số tiền gốc T4 chưa trả cho H.

+ Lần thứ 16: Ngày 02/11/2020 H cho T4 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 4.500.000 đồng/ 05 ngày, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho T4 số tiền 15.500.000 đồng, đến thời hạn T4 đã trả được tiền gốc cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 135%/ 01 tháng (1620%/ 01 năm), gấp 81 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 05 ngày là: 55.666 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 4.500.000 đồng - 55.666 đồng = 4.444.334 đồng.

+ Lần thứ 17: Ngày 09/11/2020, H cho T4 vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 8.500.000 đồng/ 01 tháng, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho T4 số tiền 41.500.000 đồng, tuy nhiên đến thời hạn T4 chưa trả được tiền gốc nên tiếp tục trả lãi, tính đến tháng 5/2021 (06 tháng) T4 trả lãi cho H được 03 lần với tổng số tiền 25.500.000 đồng. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 17%/ 01 tháng (204%/ 01 năm), gấp 10,2 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 06 tháng là: 5.010.000 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 25.500.000 đồng - 5.010.000 đồng = 20.490.000 đồng. Số tiền gốc T4 chưa trả cho H.

+ Lần thứ 18: Ngày 23/11/2020, H cho T4 vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 7.500.000 đồng/10 ngày, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho T4 số tiền 32.500.000 đồng, đến thời hạn T4 đã trả tiền gốc cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 56,25%/ 01 tháng (675%/ 01 năm), gấp 33,75 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 10 ngày là: 222.666 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 7.500.000 đồng - 222.666 đồng = 7.277.334 đồng.

+ Lần thứ 19: Ngày 28/11/2020, H cho T4 vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 8.000.000 đồng/ 10 ngày, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho T4 số tiền 32.000.000 đồng, đến thời hạn T4 đã trả tiền gốc cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 60%/ 01 tháng (720%/ 01 năm), gấp 36 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 10 ngày là: 222.666 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 8.000.000 đồng - 222.666 đồng = 7.777.334 đồng.

+ Lần thứ 20: Ngày 12/12/2020, H cho T4 vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 6.000.000 đồng/ 10 ngày, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho T4 số tiền 34.000.000 đồng, đến thời hạn T4 đã trả tiền gốc cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 45%/ 01 tháng (540%/ 01 năm), gấp 27 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 10 ngày là: 222.666 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 6.000.000 đồng - 222.666 đồng = 5.777.334 đồng.

+ Lần thứ 21: Ngày 14/12/2020, H cho T4 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 2.000.000 đồng/ 05 ngày, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho T4 số tiền 18.000.000 đồng, đến thời hạn T4 đã trả tiền gốc cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 60%/ 01 tháng (720%/ 01 năm), gấp 36 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 05 ngày là: 55.666 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 2.000.000 đồng - 55.666 đồng = 1.944.334 đồng.

+ Lần thứ 22: Ngày 24/12/2020, H cho T4 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 3.000.000 đồng/ 05 ngày, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho T4 số tiền 17.000.000 đồng, đến thời hạn T4 đã trả tiền gốc cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 90%/ 01 tháng (1080%/ 01 năm), gấp 54 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 05 ngày là: 55.666 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 3.000.000 đồng - 55.666 đồng = 2.944.334 đồng.

+ Lần thứ 23: Ngày 31/12/2020, H cho T4 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 4.000.000 đồng/ 10 ngày, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho T4 số tiền 16.000.000 đồng, đến thời hạn T4 đã trả tiền gốc cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 60%/ 01 tháng (720%/ 01 năm), gấp 36 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 10 ngày là: 111.333 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 4.000.000 đồng - 111.333 đồng = 3.888.667 đồng.

+ Lần thứ 24: Ngày 04/5/2021, H cho T4 vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 3.000.000 đồng/ 10 ngày, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho T4 số tiền 7.000.000 đồng. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 90%/ 01 tháng (1.080%/ 01 năm), gấp 54 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 10 ngày là: 55.666

đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 3.000.000 đồng - 55.666 đồng = 2.944.334 đồng. Số tiền gốc T4 chưa trả cho H.

+ Lần thứ 25: Ngày 15/5/2021, H cho T4 vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 8.000.000 đồng/ 10 ngày, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho T4 số tiền 22.000.000 đồng, đến thời hạn T4 không có trả được tiền gốc cho H và cũng không có khả năng trả tiền lãi tiếp. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 80%/ 01 tháng (960%/ 01 năm), gấp 48 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 10 ngày là: 167.000 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 8.000.000 đồng - 167.000 đồng = 7.833.000 đồng.

* Ngoài 25 lần vay lãi như trên, T4 còn viết 02 giấy vay tiền của H gồm:

- Ngày 11/4/2021 T4 viết giấy vay số tiền 30.000.000 đồng, đây là số tiền lãi mà T4 chưa trả được cho H của một số khoản vay nên H yêu cầu T4 viết giấy vay tiền. Khoản vay này không tính lãi và chưa trả cho H.

- Ngày 02/5/2021 T4 viết giấy vay số tiền 90.000.000 đồng, số tiền này H yêu cầu T4 viết giấy là tổng số tiền của 02 khoản vay mà H đã cho T4 vay vào ngày 31/10/2020 (lần thứ 15) và ngày 09/11/2020 (lần thứ 17), do lúc vay chưa viết giấy.

2. Do có quen biết với Lò Thị Huyền H, Trần Văn K nhiều lần vay tiền của H. Các giao dịch vay tiền, trả lãi được chuyển qua tài khoản, hoặc đưa trực tiếp, viết giấy vay tiền hoặc không viết giấy tùy vào thỏa thuận của hai bên. K dùng số tài khoản 8706205074142 của Ngân hàng Agribank để vay và trả lãi cho H, từ ngày 12/6/2020 đến ngày 15/4/2021 Lò Thị Huyền H đã cho Trần Văn K vay tiền tổng cộng là 15 lần cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất: Ngày 12/6/2020, H cho K vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 5.400.000 đồng/01 tháng, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho K 24.600.000 đồng, đến thời hạn K đã trả đủ tiền gốc cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 18%/01 tháng (216%/01 năm), gấp 10,8 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 01 tháng là: 501.000 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 5.400.000 đồng - 501.000 đồng = 4.899.000 đồng.

+ Lần thứ 2: Ngày 13/6/2020, H cho K vay số tiền 25.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận với lãi suất 6.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (4.500.000 đồng/ 01 tháng), đến thời hạn K đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 18%/01 tháng (216%/01 năm), gấp 10,8 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 01 tháng là: 417.500 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 4.500.000 đồng - 417.500 đồng = 4.082.500 đồng.

+ Lần thứ 3: Ngày 03/9/2020, H cho K vay số tiền 20.000.000 đồng trong 04 tháng, với lãi suất thỏa thuận 3.600.000 đồng/ 01 tháng. H thu trước 01 tháng

tiền lãi và chuyển cho K số tiền 16.400.000 đồng, đến thời hạn K đã trả đủ tiền gốc và tổng số tiền lãi là 14.400.000 đồng. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 18%/ 01 tháng (216%/ 01 năm), gấp 10,8 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 04 tháng là: 1.336.000 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 14.400.000 đồng - 1.336.000 đồng = 13.064.000 đồng.

+ Lần thứ 4: Ngày 09/10/2020 K viết 02 giấy, vay của H tổng số 75.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận 13.500.000 đồng/ 01 tháng, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho K 61.500.000 đồng, đến thời hạn K đã trả đủ tiền gốc cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 18%/01 tháng (216%/ 01 năm), gấp 10,8 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 01 tháng là: 1.252.500 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 13.500.000 đồng - 1.252.500 đồng = 12.247.500 đồng.

+ Lần thứ 5: Ngày 29/10/2020 H cho K vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 7.200.000 đồng/ 01 tháng, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho K 32.800.000 đồng, đến thời hạn K đã trả đủ tiền gốc cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 18%/ 01 tháng (216%/ 01 năm), gấp 10,8 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 01 tháng là: 668.000 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 7.200.000 đồng - 668.000 đồng = 6.532.000 đồng.

+ Lần thứ 6: Ngày 20/12/2020, H cho K vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 5.400.000 đồng/ 01 tháng, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho K 24.600.000 đồng, đến thời hạn K đã trả đủ tiền gốc cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 18%/ 01 tháng (216%/ 01 năm), gấp 10,8 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 01 tháng là: 501.000 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 5.400.000 đồng - 501.000 đồng = 4.899.000 đồng.

+ Lần thứ 7: Ngày 20/5/2020, H cho K vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 9.000.000 đồng/ 01 tháng, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho K 41.000.000 đồng, đến thời hạn K đã trả đủ tiền gốc cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 18%/ 01 tháng (216%/ 01 năm), gấp 10,8 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 01 tháng là: 835.000 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 9.000.000 đồng - 835.000 đồng = 8.165.000 đồng.

+ Lần thứ 8: Ngày 30/5/2020, H cho K vay số tiền 12.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 720.000 đồng/ 10 ngày, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho K 11.280.000 đồng, đến thời hạn K đã trả đủ tiền gốc cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 18%/ 01 tháng (216%/ 01 năm), gấp 10,8 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 10 ngày là: 66.800 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 720.000 đồng - 66.800 đồng = 653.200 đồng.

+ Lần thứ 9: Ngày 06/8/2020 H cho K vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 4.000.000 đồng/ 08 ngày, H thu luôn tiền lãi vào chuyển cho K 16.000.000 đồng, đến thời hạn K đã trả đủ tiền gốc cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 75%/ 01 tháng (900%/ 01 năm), gấp 45 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 08 ngày là: 89.066 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 4.000.000 đồng - 89.066 đồng = 3.910.934 đồng.

+ Lần thứ 10: Ngày 04/9/2020 H cho K vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 5.000.000 đồng/ 10 ngày, H thu luôn tiền lãi vào chuyển cho K 15.000.000 đồng, đến thời hạn K đã trả đủ tiền gốc cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 75%/ 01 tháng (900%/ 01 năm), gấp 45 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 10 ngày là: 111.333 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 5.000.000 đồng - 111.333 đồng = 4.888.667 đồng.

+ Lần thứ 11: Ngày 23/9/2020 H cho K vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 5.500.000 đồng/ 10 ngày, H thu luôn tiền lãi vào chuyển cho K 14.500.000 đồng. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 82,5%/ 01 tháng (990%/ 01 năm), gấp 49,5 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 10 ngày là: 111.333 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 5.500.000 đồng - 111.333 đồng = 5.388.667 đồng.

+ Lần thứ 12: Do không trả được tiền gốc của khoản vay ngày 23/9/2020 nên ngày 03/10/2020 K thỏa thuận tiếp tục vay của H số tiền 20.000.000 đồng trên trong 02 tháng với lãi suất 3.600.000 đồng/ 01 tháng. Ngày 03/12/2020 K đã trả đủ tiền gốc và tổng số tiền lãi 7.200.000 đồng cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 18%/ 01 tháng (216%/ 01 năm), gấp 10,8 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 02 tháng là: 668.000 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 7.200.000 đồng - 668.000 đồng = 6.532.000 đồng.

+ Lần thứ 13: Ngày 28/9/2020, H cho K vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 5.500.000 đồng/10 ngày, H thu luôn tiền lãi vào chuyển cho K 14.500.000 đồng. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 82,5%/ 01 tháng (990%/ 01 năm), gấp 49,5 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 10 ngày là: 111.333 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 5.500.000 đồng - 111.333 đồng = 5.388.667 đồng.

+ Lần thứ 14: Do không trả được tiền gốc của khoản vay ngày 28/9/2020 nên ngày 08/10/2020 K thỏa thuận tiếp tục vay của H số tiền 20.000.000 đồng trên trong 02 tháng với lãi suất 3.600.000 đồng/ 01 tháng. K đã trả đủ tiền gốc và tổng số tiền lãi 7.200.000 đồng cho H. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 18%/ 01 tháng (216%/ 01 năm), gấp 10,8 lần so với mức lãi suất quy định. Số

tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 02 tháng là: 668.000 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 7.200.000 đồng - 668.000 đồng = 6.532.000 đồng.

+ Lần thứ 15: Ngày 15/4/2021, H cho K vay số tiền 25.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 5.500.000 đồng/ 05 ngày, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho K số tiền 19.500.000 đồng, đến thời hạn K không trả được tiền gốc cho H nên cứ 05 ngày tiếp theo K lại trả lãi cho H. Đến ngày 16/6/2021 (02 tháng kể từ ngày vay) K đã trả đủ tiền gốc và trả lãi cho H 13 lần với tổng số tiền 71.500.000 đồng. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 132%/ 01 tháng (1584%/ 01 năm), gấp 79,2 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 02 tháng là: 835.000 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 71.500.000 đồng - 835.000 đồng = 70.660.000 đồng.

3. Do có quen biết với Lò Thị Huyền H, Nguyễn Thị P nhiều lần vay tiền của H. Các giao dịch vay tiền có lần viết giấy có lần không viết giấy tùy vào thỏa thuận của hai bên. Đa số các lần vay và trả lãi giữa P và H là giao dịch trực tiếp, tuy nhiên cũng có một số lần P đến Ngân hàng hoặc sử dụng các dịch vụ chuyển tiền để trả lãi cho H, từ tháng 01/2019 đến ngày 23/11/2020 Lò Thị Huyền H đã cho Nguyễn Thị P vay tiền tổng cộng là 05 lần cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất: Trong tháng 01/2019 H cho P vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 9.600.000 đồng/01 tháng. Tính đến tháng 8/2020 (19 tháng) P đã trả đủ tiền gốc và trả 19 lần tiền lãi với tổng số tiền 182.400.000 đồng. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 24%/01 tháng (288%/01 năm), gấp 14,4 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 19 tháng là: 12.692.000 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 182.400.000 đồng - 12.692.000 đồng = 169.708.000 đồng.

+ Lần thứ 2: Ngày 06/8/2020 H cho P vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 2.000.000 đồng/10 ngày, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho P 8.000.000 đồng. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 60%/ 01 tháng (720%/01 năm), gấp 36 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 10 ngày là: 55.666 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 2.000.000 đồng - 55.666 đồng = 1.944.334 đồng.

+ Lần thứ 3: Do đến thời hạn không trả được khoản tiền gốc vay ngày 06/8/2020 nên ngày 16/8/2020 P thỏa thuận tiếp tục vay của H số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 7.000.000 đồng/07 ngày, tương đương với lãi suất 300%/01 tháng (3600%/01 năm) gấp 180 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 07 ngày là: 38.966 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 7.000.000 đồng - 38.966 đồng = 6.961.034 đồng.

+ Lần thứ 4: Do không trả được tiền gốc và tiền lãi khoản vay ngày 16/8/2020 nên ngày 22/8/2020 P thỏa thuận viết giấy vay của H số tiền 17.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 15.000.000 đồng/01 tháng, tương đương với lãi suất

88,23%/01 tháng (1058,8%/01 năm) gấp 52,94 lần so với mức lãi suất quy định. Tính đến ngày 23/11/2020 (03 tháng kể từ ngày vay) P đã trả tiền lãi cho H tổng số 37.550.000 đồng (còn thiếu tiền lãi theo thỏa thuận 7.450.000 đồng). Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 03 tháng là: 851.700 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 37.550.000 đồng - 851.700 đồng = 36.698.300 đồng.

+ Lần thứ 5: Do vẫn không trả được tiền gốc 17.000.000 đồng khoản vay ngày 22/8/2020 và còn nợ tiền lãi, nên ngày 23/11/2020 P viết giấy vay 25.000.000 đồng của H với lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (3.750.000 đồng/01 tháng), tương đương với lãi suất 15%/01 tháng (180%/01 năm) gấp 09 lần so với mức lãi suất quy định. Tính đến ngày 15/5/2021 (06 tháng kể từ ngày vay) P chưa trả được gốc cho H chỉ trả được 6.350.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 06 tháng là: 2.505.000 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 6.350.000 đồng - 2.505.000 đồng = 3.845.000 đồng.

4. Do có quen biết với Lò Thị Huyền H, Nguyễn Văn N1 vay tiền của H, từ ngày 5/3/2020 đến ngày 25/3/2020 Lò Thị Huyền H đã cho Nguyễn Văn N1 vay tiền tổng cộng là 03 lần cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất: Ngày 05/3/2020 H cho N1 vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận 2.100.000 đồng/01 tháng, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho N1 7.900.000 đồng, tuy nhiên đến thời hạn N1 không trả được tiền gốc cho H nên cứ 01 tháng tiếp theo N1 lại trả tiền lãi 2.100.000 đồng đến tháng 12/2020 (09 tháng kể từ ngày vay) N1 đã trả cho H được 06 lần tiền lãi với tổng số tiền 12.600.000 đồng. Khoản vay này được tính lãi suất tương đương 21%/01 tháng (252%/01 năm) gấp 12,6 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 09 tháng là: 1.503.000 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 12.600.000 đồng - 1.503.000 đồng = 11.097.000 đồng.

+ Lần thứ hai: Ngày 12/3/2020 H cho N1 vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận 2.100.000 đồng/01 tháng, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho N1 7.900.000 đồng, tuy nhiên đến thời hạn N1 không trả được tiền gốc cho H nên cứ 01 tháng tiếp theo N1 lại trả tiền lãi 2.100.000 đồng đến tháng 12/2020 (09 tháng kể từ ngày vay) N1 đã trả cho H được 06 lần tiền lãi với tổng số tiền 12.600.000 đồng. Khoản vay này được tính lãi suất tương đương 21%/ 01 tháng (252%/01 năm) gấp 12,6 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 09 tháng là: 1.503.000 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 12.600.000 đồng - 1.503.000 đồng = 11.097.000 đồng.

+ Lần thứ 3: Ngày 25/3/2020 H cho N1 vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận 2.100.000 đồng/01 tháng, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho N1 7.900.000 đồng, tuy nhiên đến thời hạn N1 không trả được tiền gốc cho H nên cứ 01 tháng tiếp theo N1 lại trả tiền lãi 2.100.000 đồng đến tháng 12/2020 (09 tháng kể từ ngày vay) N1 đã trả cho H được 06 lần tiền lãi với tổng số tiền 12.600.000

đồng. Khoản vay này được tính lãi suất tương đương 21%/ 01 tháng (252%/01 năm) gấp 12,6 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 09 tháng là: 1.503.000 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 12.600.000 đồng - 1.503.000 đồng = 11.097.000 đồng.

* Do không trả được tiền gốc của 03 lần vay trên và còn nợ một số tiền lãi của các khoản vay nên tháng 12/2020 cả hai thống nhất tổng số tiền N1 vay của H từ thời điểm này là 40.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 7.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (8.400.000 đồng/01 tháng). Tuy nhiên đến nay N1 chỉ trả được 5.000.000 đồng tiền gốc, không trả được tiền lãi, do đó không có tiền thu lợi bất chính từ khoản vay này. Số tiền gốc 35.000.000 đồng N1 chưa trả được cho H.

5. Ngày 28/8/2020, Lò Thị Huyền H cho Nguyễn Thị H1 vay 01 lần số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 2.250.000 đồng/01 tháng, tương đương với lãi suất 15%/01 tháng (180%/01 năm) gấp 9 lần so với mức lãi suất quy định. Đến thời hạn H1 đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi cho H. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 01 tháng là: 250.500 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 2.250.000 đồng - 250.500 đồng = 1.999.500 đồng.

6. Ngày 12/7/2019 Lò Thị Huyền H cho Triệu Thị D vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 1.500.000 đồng/01 tháng, H thu luôn tiền lãi và chuyển cho D 8.500.000 đồng, hết thời hạn 01 tháng H nhiều lần tìm gặp D để yêu cầu trả tiền gốc nhưng D không có mặt ở nhà. Khoản vay này được tính tương đương với lãi suất 15%/01 tháng (180%/01 năm) gấp 9 lần so với mức lãi suất quy định. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này trong 01 tháng là: 167.000 đồng, số tiền H thu lời bất chính là: 1.500.000 đồng - 167.000 đồng = 1.333.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo Lò Thị Huyền H và Nguyễn Thị Linh T1 đã thành khẩn khai nhận hành vi "Cho vay lãi nặng trong giao dịch" như đã nêu trên. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Bản cáo trạng số: 55/CT-VKS-VY, ngày 19/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Truy tố các bị cáo Lò Thị Huyền H và Nguyễn Thị Linh T1 về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lò Thị Huyền H và Nguyễn Thị Linh T1 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

+ Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 35; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lò Thị Huyền H số tiền từ 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) đến 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng)

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Linh T1 số tiền từ 200.000.000 đồng (hai trăm năm triệu đồng) đến 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng)

Tại phiên tòa qua thẩm vấn đại diện nhân dân huyện Văn Yên xác định:

Khoản vay lần thứ nhất: Nguyễn Thị Linh T1 cho Lò Thị Huyền H vay ngày 17/7/2019, T1 cho H vay số tiền 150.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 9.500.000 đồng/150.000.000 đồng/01 tháng. lãi xuất được tính là 6,33%/01tháng (75,96%/năm) gấp 3,8 lần so với mức lãi suất quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm). Khoản vay này chưa đến mức cấu thành tội phạm nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên đã rút không đề nghị xử lý khoản vay ngày 17/7/2019 là phù hợp nên được chấp nhận.

- Về án phí, vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự cùng các vấn đề khác trong vụ án: Áp dụng Điều 136; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo Lò Thị Huyền H và Nguyễn Thị Linh T1 đã thành khẩn khai báo. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Từ năm 2019 đến thời điểm hành vi phạm tội bị phát hiện Nguyễn Thị Linh T1 đã cho Lò Thị Huyền H vay lãi 29 lần với tổng số tiền 820.000.000 đồng. (Trong đó 02 lần thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng), T1 đã thu về tổng số tiền lãi 396.880.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 367.641.092 đồng. Các khoản vay được tính lãi suất

8,88%/01 tháng (106,56%/01 năm) đến 60%/01 tháng (720%/01 năm), gấp từ 5,3 lần đến 36 lần so với lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự.

- Sau khi vay được tiền của Nguyễn Thị Linh T1 cùng với tiền sẵn có của mình Lò Thị Huyền H đã cho nhiều người vay với lãi suất từ 15%/01tháng (180%/ 01 năm) đến 300%/01 tháng (3600%/01 năm), gấp từ 09 lần đến 180 lần so với lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự, cụ thể:

+ Cho Lưu Phương T4 vay 25 lần với tổng số tiền 870.000.000 đồng, H đã thu về tổng sổ tiền lãi 670.500.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 615.100.544 đồng.

+ Cho Trần Văn K vay 15 lần với tổng số tiền 427.000.000 đồng, H thu về tổng số tiền lãi là 166.020.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 157.848.135 đồng.

+ Cho Nguyễn Thị P vay 05 lần với tổng số tiền 102.000.000 đồng, H đã thu về tổng số tiền lãi là 235.300.000 đồng, trong đó số tiền thu lời bất chính là 219.156.668 đồng.

+ Cho Nguyễn Văn N1 vay 03 lần với tổng số tiền 30.000.000 đồng, H đã thu về tổng số tiền lãi 37.800.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 33.291.000 đồng.

+ Cho Nguyễn Thị H1 vay 01 lần với số tiền 15.000.000 đồng, H đã thu về số tiền lãi 2.250.000a đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 1.999.500 đồng.

+ Cho Triệu Thị D vay 01 lần với số tiền 10.000.000 đồng, H đã thu về số tiền lãi 1.500.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 1.333.000 đồng đến nay D chưa trả tiền gốc cho H.

* Tổng số tiền Lò Thị Huyền H cho những người trên vay là 1.454.000.000 đồng, thu về tổng số tiền lãi là 1.113.370.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 1.028.728.847 đồng. (Trong đó 04 lần thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng)

Hành vi của các bị cáo Lò Thị Huyền H và Nguyễn Thị Linh T1 đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2, Điều 201Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đã xâm phạm đến trật tự quản lý tài chính cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây mất ổn định xã hội và tạo ra những hậu quả khó lường cho người vay lẫn người cho vay do vậy phải xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự với mức án thích đáng mới có tác dụng cải tạo đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Xét về nhân thân, Các bị cáo Lò Thị Huyền H và Nguyễn Thị Linh T1 là những người có đủ khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của bản thân. Các bị cáo đều biết rằng cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật

nhưng chỉ vì động cơ vụ lợi, muốn kiếm tiền nhanh chóng nên các bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Do đó cần có một mức hình phạt thỏa đáng tương xứng đối tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

[6] Các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Các vấn đề khác: Về biện pháp tư pháp Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: *"Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay..."*

Giao dịch cho vay của các bị cáo với người vay với lãi suất gấp hơn 05 lần mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là giao dịch trái pháp luật nên toàn bộ số tiền gốc cho vay là phương tiện phạm tội cần truy thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền lãi suất theo quy định là thu lời bất chính buộc các bị cáo truy thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền lãi quá quy định buộc bị cáo phải trả lại cho người vay.

8. 1. Đối với khoản vay giữa Nguyễn Thị Linh T1 và Lò Thị Huyền H:

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước đối với Nguyễn Thị Linh T1 khoản tiền gốc đã cho Lò Thị Huyền H vay là 820.000.000 đồng + số tiền lãi suất tương ứng mức lãi xuất cao nhất theo quy định là 29.238.908 - số tiền gốc H chưa trả cho T1 là 255.000.000 đồng = 594.238.908 đồng.

- Buộc Nguyễn Thị Linh T1 phải trả lại số tiền thu lời bất chính (số tiền lãi đã thu thực tế vượt quá 20% lãi suất quy định) cho Lò Thị Huyền H là: 367.641.092 đồng.

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước đối với Lò Thị Huyền H số tiền gốc H chưa trả được cho Nguyễn Thị Linh T1 là: 255.000.000 đồng.

8. 2. Đối với khoản vay giữa Lò Thị Huyền H và chị Lưu Phương T4:

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước đối với Lò Thị Huyền H khoản tiền gốc cho Lưu Phương T4 vay là: 870.000.000 đồng + số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định là 55.399.456 đồng - số tiền gốc T4 chưa trả được cho H là 280.000.000 = 645.399.456 đồng.

- Buộc Lò Thị Huyền H phải trả lại số tiền thu lời bất chính (số tiền lãi đã thu thực tế vượt quá 20% lãi suất quy định) cho chị Lưu Phương T4 là: 615.100.544 đồng.

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước đối với Lưu Phương T4 số tiền gốc T4

chưa trả được cho H là 280.000.000 đồng.

8. 3. Đối với khoản vay giữa Lò Thị Huyền H và anh Trần Văn K:

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước đối với Lò Thị Huyền H khoản tiền gốc cho Trần Văn K vay là 427.000.000 đồng + số tiền lãi suất tương ứng mức lãi xuất cao nhất theo quy định là 8.171.865 đồng = 435.171.865 đồng.

- Buộc Lò Thị Huyền H phải trả lại số tiền thu lời bất chính (số tiền lãi đã thu thực tế vượt quá 20% lãi suất quy định) cho anh Trần Văn K là: 157.848.135 đồng.

8. 4. Đối với khoản vay giữa Lò Thị Huyền H và chị Nguyễn Thị P:

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước đối với Lò Thị Huyền H khoản tiền gốc cho chị Nguyễn Thị P vay là 102.000.000 đồng + số tiền lãi suất tương ứng mức lãi xuất cao nhất theo quy định là 16.143.322 đồng - số tiền gốc P chưa trả được cho H là 10.000.000 = 108.143.332 đồng.

- Buộc Lò Thị Huyền H phải trả lại số tiền thu lời bất chính (số tiền lãi đã thu thực tế vượt quá 20% lãi suất quy định) cho chị Nguyễn Thị P là 219.156.668 đồng

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước đối với chị Nguyễn Thị P số tiền gốc chị P chưa trả được cho H là 10.000.000 đồng.

8. 5. Đối với khoản vay giữa Lò Thị Huyền H và anh Nguyễn Văn N1:

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước đối với Lò Thị Huyền H khoản tiền gốc cho anh Nguyễn Văn N1 vay là 30.000.000 đồng + số tiền lãi suất tương ứng mức lãi xuất cao nhất theo quy định là 4.509.000 đồng = 34.509.000 đồng

- Buộc Lò Thị Huyền H phải trả lại số tiền thu lời bất chính (số tiền lãi đã thu thực tế vượt quá 20% lãi suất quy định) cho anh Nguyễn Văn N1 là 33.291.000 đồng.

8. 6. Đối với khoản vay giữa Lò Thị Huyền H và chị Nguyễn Thị H1:

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước đối với Lò Thị Huyền H khoản tiền gốc cho chị Nguyễn Thị H1 vay là 15.000.000 đồng + số tiền lãi suất tương ứng mức lãi xuất cao nhất theo quy định là 250.500 đồng = 15.250.500 đồng.

- Buộc Lò Thị Huyền H phải trả lại số tiền thu lời bất chính (số tiền lãi đã thu thực tế vượt quá 20% lãi suất quy định) cho chị Nguyễn Thị H1 là 1.999.500 đồng

8. 7. Đối với khoản vay giữa Lò Thị Huyền H và chị Triệu Thị D:

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước đối với Lò Thị Huyền H khoản tiền gốc cho chị Triệu Thị D vay là 10.000.000 đồng + số tiền lãi suất tương ứng mức lãi xuất cao nhất theo quy định là 167.000 đồng - số tiền gốc chị D chưa trả được cho

H là 10.000.000 = 167.000 đồng

- Buộc Lò Thị Huyền H phải trả lại số tiền thu lời bất chính (số tiền lãi đã thu thực tế vượt quá 20% lãi suất quy định) cho chị Triệu Thị D là 1.333.000 đồng.

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước đối với chị Triệu Thị D số tiền gốc chưa trả được cho H là 10.000.000 đồng.

+ Tổng số tiền Nguyễn Thị Linh T1 phải nộp vào ngân sách Nhà nước là 594.238.908 đồng

+ Tổng số tiền Lò Thị Huyền H phải nộp vào ngân sách Nhà nước là 1.493.641.153 đồng, cụ thể như sau: Số tiền gốc Lò Thị Huyền H chưa trả cho Nguyễn Thị Linh T1 là: 255.000.000 đồng; Tiền gốc Lò Thị Huyền H cho vay và tiền do phạm tội mà có (lãi suất theo quy định) đối với khoản H cho Lưu Phương T4 vay số tiền là: 645.399.456 đồng; Anh Trần Văn K số tiền: 435.171.865 đồng; Chị Nguyễn Thị P số tiền: 108.143.332 đồng; Anh Nguyễn Văn N1 số tiền: 34.509.000 đồng; Chị Nguyễn Thị H1 số tiền: 15.250.500 đồng; Chị Triệu Thị D số tiền: 167.000 đồng.

+ Xử lý đối với khoản tiền thu lời bất chính và số tiền gốc người vay chưa trả cho các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Linh T1 phải trả cho Lò Thị Huyền H số tiền: 367.641.092 đồng. Bị cáo Lò Thị Huyền H phải trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay) tổng số tiền 1.028.728.847 đồng gồm: Chị Lưu Phương T4 số tiền: 615.100.544 đồng; Anh Trần Văn K số tiền: 157.848.135 đồng; Chị Nguyễn Thị P số tiền: 219.156.668 đồng; Anh Nguyễn Văn N1 số tiền: 33.291.000 đồng; Chị Nguyễn Thị H1 số tiền là 1.999.500 đồng; Chị Triệu Thị D số tiền là 1.333.000 đồng.

+ Truy thu nộp vào Ngân sách nhà nước của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số tiền gốc chưa trả cho bị cáo Lò Thị Huyền H gồm: Chị Lưu Phương T4 số tiền 280.000.000 đồng; Chị Nguyễn Thị P số tiền 10.000.000 đồng; Chị Triệu Thị D số tiền10.000.000 đồng.

+ Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác của vụ án:

* Cơ quan điều tra thu giữ của Lò Thị Huyền H gồm có: 01 sổ hộ khẩu mang tên Bàn Kim S; 01 giấy biên nhận vay tiền ngày 29/10/2018; 01 giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ ngày 18/6/2012; 01 thẻ nhân viên điện lực Văn Yên mang tên Nguyễn Thị T5; 01 CMND số 060565976 mang tên Trần Công T6; 01 CMND số 060281076 mang tên Trương Văn T7; 01 CMND số 060583467 mang tên Hoàng Văn C1; 01 CMND số 060718792 mang tên Lù Thanh P1; 01 CMND số

060610071 mang tên Nguyễn Hồng S; 01 CMND số 066304602 mang tên Nguyễn Thị T8; 01 CMND số 060372455 mang tên Bàn Văn S1; 01 đăng ký xe mô tô 21T5 - 5222; Những giấy tờ trên trong quá trình gia đình bị cáo Lò Thị Hiền H mua bán xe máy cũ nhiều người đến mua bán nhưng chưa đủ tiền lên để lại giấy tờ làm tin; 01 CMND số 061069461 mang tên Y L bị cáo nhặt được; 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Tiến S2 (của chồng bị cáo H); 06 Sổ ghi chép; 01 sổ ghi "giáo án"; 01 vở học sinh; 01 sổ ghi chép màu đen có nhiều chữ và số của gia đình bị cáo ghi chép tiền chi tiêu sinh hoạt; 02 đơn đề nghị gửi UBND xã Đào Thịnh và gửi Công an thị trấn Mậu A; 01bằng tốt nghiệp Trung cấp kế toán mang tên Hà L (của em gái bị cáo H; 01 giấy chuyển nhượng đất ngày 02/3/2016; 01 giấy bán đất đồi rừng; Những giấy tờ nêu trên không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo Lò Thị Huyễn H là phù hợp.

- Đối với 03 tờ giấy vay tiền ngày 06/8/2020; 14/10/2020; 23/11/2020 (Bản chính); 01 giấy biên nhận vay tiền ngày 03/9/2020; 01 giấy vay, nhận tiền ngày 12/7/2019 (bản photo); 01 giấy vay tiền của Nguyễn Thị H1; 08 giấy biên nhận vay tiền (bản chính); 08 giấy biên nhận vay tiền (bản photo); 01 bản photo giấy mượn xe; 01 bản photo giấy bán xe máy và cam kết; 01 giấy vay tiền ghi ngày 01/6/2020 và 01 giấy nhận tiền ngày 22/8/2020 của Nguyễn Thị P (bản chính) Toàn bộ số vật chứng trên cần được lưu giữ trong hồ sơ vụ án của Tòa án.

* Cơ quan điều tra thu giữ số tiền 367.000.000 đồng khi khám xét nhà Lò Thị Huyền H và số tiền 150.000.000 Nguyễn Tiến C giao nộp không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 367.000.000 đồng cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Chí T; số tiền 150.000.000 đồng cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Tiến C là phù hợp.

* Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Linh T1 01 điện thoại di động Iphone XSMAX màu trắng, số IMEI 3572720945455120; 357272094470881 của Lò Thị Huyền H 01 điện thoại di động iphone 7 Plus, vỏ màu bạc đây là phương tiện các bị cáo phạm tội nên cần tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước.

[9] Đối với chị Đặng Thị T2 cho Lò Thị Huyền H vay 03 lần với tổng số tiền 70.000.000 đồng, chị T4 đã thu về số tiền lãi 6.500.000 đồng, trong đó thu lời bất chính 5.331.000 đồng.

Anh Đỗ Anh T3 cho chị Nguyễn Thị P vay 01 lần với số tiền 10.000.000 đồng, thu số tiền lãi thu về 500.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 333.000 đồng.

* Chị Đặng Thị T2 và anh Đỗ Anh T3 cho người khác vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính, tuy nhiên số tiền anh Đỗ Anh T3 và chị T4 thu lợi chưa đến mức để xử lý hình sự. Do đó Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý là phù hợp.

[10] Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm. Các bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 2 Điều 201; Điều 35; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 123, Điều 131, Điều 357, Điều 463 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lò Thị Huyền H và Nguyễn Thị Linh T1 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

2. Về hình phạt:

+ Xử phạt bị cáo Lò Thị Huyền H số tiền**: 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng)**

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Linh T1 số tiền: **230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng)**

3. Về các biện pháp tư pháp:

3.1 Xử lý tiền liên quan đến phạm tội:

+ Truy thu của Nguyễn Thị Linh T1 số tiền: 594.238.908 đồng, để sung vào ngân sách Nhà nước

+ Truy thu của Lò Thị Huyền H tổng cộng là: 1.493.641.153 đồng. để sung vào ngân sách Nhà nước gồm: Số tiền gốc Lò Thị Huyền H chưa trả cho Nguyễn Thị Linh T1 là: 255.000.000 đồng; Tiền gốc Lò Thị Huyền H cho vay và tiền do phạm tội mà có từ khoản cho chị Lưu Phương T4 vay là: 645.399.456 đồng; Anh Trần Văn K số tiền: 435.171.865 đồng; Chị Nguyễn Thị P số tiền: 108.143.332 đồng; Anh Nguyễn Văn N1 số tiền: 34.509.000 đồng; Chị Nguyễn Thị H1 số tiền: 15.250.500 đồng; Chị Triệu Thị D số tiền: 167.000 đồng.

+ Truy thu của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay) nộp sung vào Ngân sách nhà nước số tiền gốc còn lại do chưa trả bị cáo Lò Thị Huyền H gồm: Chị Lưu Phương T4 phải nộp số tiền 280.000.000 đồng; Chị Nguyễn Thị P phải nộp số tiền 10.000.000 đồng; Chị Triệu Thị D phải nộp số tiền 10.000.000 đồng.

3.2 Xử lý đối với khoản tiền thu lời bất chính:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Linh T1 phải trả cho bị cáo Lò Thị Huyền H số tiền: 367.641.092 đồng.

- Buộc bị cáo Lò Thị Huyền H phải trả cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay) gồm: Chị Lưu Phương T4 số tiền: 615.100.544 đồng; Anh Trần Văn K số tiền: 157.848.135 đồng; Chị Nguyễn Thị P số tiền: 219.156.668 đồng; Anh Nguyễn Văn N1 số tiền: 33.291.000 đồng; Chị Nguyễn Thị H1 số tiền: 1.999.500 đồng; Chị Triệu Thị D số tiền là 1.333.000 đồng. Tổng cộng số tiền là: 1.028.728.847 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về vật chứng và các vấn đề khác của vụ án:

4.1 Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước gồm có: 01 điện thoại di động Iphone XSMAX màu trắng, số IMEI 357272094545512 0; 357272094470881 của Nguyễn Thị Linh T1; 01 điện thoại di động iphone 7 Plus, vỏ màu bạc của Lò Thị Huyền H.

4.2. Lưu giữ trong hồ sơ vụ án của Tòa án: 03 tờ giấy vay tiền ngày 06/8/2020; 14/10/2020; 23/11/2020 (Bản chính); 01 giấy biên nhận vay tiền ngày 03/9/2020; 01 giấy vay, nhận tiền ngày 12/7/2019 (bản photo); 01 giấy vay tiền của Nguyễn Thị H1; 08 giấy biên nhận vay tiền (bản chính); 08 giấy biên nhận vay tiền (bản photo); 01 bản photo giấy mượn xe; 01 bản photo giấy bán xe máy và cam kết; ; 01 giấy vay tiền ghi ngày 01/6/2020 và 01 giấy nhận tiền ngày 22/8/2020 của Nguyễn Thị P (bản chính).

4.3. Trả lại bị cáo Lò Thị Huyền H gồm: 01 sổ hộ khẩu mang tên Bàn Kim S; 01 giấy biên nhận vay tiền ngày 29/10/2018; 01 giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ ngày 18/6/2012; 01 thẻ nhân viên điện lực Văn Yên mang tên Nguyễn Thị T5; 01 CMND số 060565976 mang tên Trần Công T6; 01 CMND số 060281076 mang tên Trương Văn T7; 01 CMND số 060583467 mang tên Hoàng Văn C1; 01 CMND số 060718792 mang tên Lù Thanh P1; 01 CMND số 060610071 mang tên Nguyễn Hồng S; 01 CMND số 066304602 mang tên Nguyễn Thị T8; 01 CMND số 060372455 mang tên Bàn Văn S1; 01 đăng ký xe mô tô 21T5 - 5222; 01 CMND số 061069461 mang tên Y L bị cáo nhặt được; 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Tiến S2 (của chồng bị cáo H); 06 Sổ ghi chép; 01 sổ ghi "giáo án"; 01 vở học sinh; 01 sổ ghi chép màu đen có nhiều chữ và số của gia đình bị cáo ghi chép tiền chi tiêu sinh hoạt; 02 đơn đề nghị gửi UBND xã Đào Thịnh và gửi Công an thị trấn Mậu A; 01 bằng tốt nghiệp Trung cấp kế toán mang tên Hà L (của em gái bị cáo H); 01 giấy chuyển nhượng đất ngày 02/3/2016; 01 giấy bán đất đồi rừng.

(Tình trạng các vật chứng nêu trên có mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng số 07 ngày 30/11/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái).

5. Về án phí: Các bị cáo Lò Thị Huyền H và Nguyễn Thị Linh T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lò Thị Huyền H phải chịu 42.861.865 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị Linh T1 phải chịu 18.382.054 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- CA huyện Văn Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Các bị cáo;
- Những người có QL&NVLQ;
- THA hình sự;
- Lưu hồ sơ; THA; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Lâm